

Số: 213/2022/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 07 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 390/BC-VHXH ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi Điểm d, Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất như sau:

“- *Đối tượng nộp lệ phí:* là người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật.”

2. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ hai như sau:

“- *Tổ chức thu lệ phí:* Công an xã, phường, thị trấn.”

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ ba như sau:

“- *Mức thu:*

Đơn vị tính: đồng/lần

TT	Nội dung	Mức thu
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	7.000
2	Tách hộ	7.000
3	Gia hạn tạm trú	3.000
4	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú	3.000
5	Xác nhận thông tin về cư trú	3.000

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số cụm từ, điểm tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Bỏ cụm từ “Mức thu phí thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu. Trường hợp dự án có thay đổi tổng vốn đầu tư thì phí thẩm định lại tính theo tổng vốn đầu tư mới” tại gạch đầu dòng thứ ba Điểm a, Khoản 3, Điều 1.

2. Bỏ cụm từ “thẩm định lại” tại gạch đầu dòng thứ nhất Điểm b, Khoản 3, Điều 1.

3. Bổ sung cụm từ “hoặc chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp” vào sau cụm từ “Thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới giấy chứng nhận” tại số thứ tự thứ III gạch đầu dòng thứ ba Điểm h, Khoản 3, Điều 1.

4. Bổ sung cụm từ “trẻ em,” vào sau cụm từ “Đăng ký hộ tịch cho” tại gạch đầu dòng thứ tư Điểm đ, Khoản 4, Điều 1.

5. Thay thế điểm e, khoản 3 như sau:

“e) Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

- *Đối tượng nộp phí*: các tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

- *Tổ chức thu phí*: Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- *Mức thu*

+ Đối với các dự án/cơ sở nhóm II, nhóm III và dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ dự án/cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường): 11.400.000 đồng/ 01 giấy phép.

+ Đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ dự án/cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường): 6.800.000 đồng/ 01 giấy phép.

+ Đối với các dự án/cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: 3.880.000 đồng/ 01 giấy phép.

Mức phí nêu trên tính theo lần thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Mức phí không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định.

- *Kê khai, nộp phí*: tổ chức thu phí thực hiện kê khai phí theo quy định hiện hành; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

- *Quản lý và sử dụng*: tổ chức thu phí được để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, Kỳ họp thứ Tám nhất trí thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công an;
- Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp (Cơ sở DLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn
Trần Quốc Toàn

